

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 04-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nguyễn Quan Qui;

Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị Mỹ L (tên gọi khác Huệ), sinh năm: 1981, nơi sinh: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thành C, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1963; chồng: Phạm Hồng T, sinh năm 1978; con: 02 người, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Tấn P, sinh năm: 1994, nơi sinh: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp Phước Thới, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh Thành (đã chết) và bà Chương A Múi, sinh năm: 1963; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Ngọc Thu C, sinh năm: 1983, nơi sinh: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Lê Thị A (đã chết); chồng: Vương Hoài V, sinh năm 1982; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 04/11/2019 đến ngày 04/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

4. Thị N (tên gọi khác là N), sinh năm: 1986, nơi sinh: xã P huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hen Tiên D, (đã chết) và bà Thị S (đã chết); chồng: Tiên P, sinh năm: 1978 (đã ly hôn); con: 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm: 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 04/11/2019 đến ngày 04/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Thị Thu B, sinh năm: 1968, nơi sinh: xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); chồng: Phan Văn Thu A, sinh năm 1968; con: 02 người, lớn sinh năm: 1988, nhỏ sinh năm: 1989; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

6. Đoàn Thị Kim T, sinh năm: 1982, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm: 1947; chồng: Trần Thanh T, sinh năm 1976; con: 03 người, lớn nhất sinh năm: 2002, nhỏ nhất sinh năm: 2009; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

7. Lâm Thúy H (tên gọi khác là T), sinh năm: 1987, nơi sinh: xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp 2, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hoàng D, sinh năm: 1962 và bà Trần Ngọc Y, sinh năm: 1962; chồng: đã ly hôn; con: 01 người, sinh năm: 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

8. Đỗ Thị Phương L1, sinh năm: 1970, nơi sinh: xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nơi đăng lý hộ khẩu thường trú: xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu T (đã chết) và bà Phạm Thị S, sinh năm: 1951; chồng: Lê Công H, sinh năm: 1970; con: 02 người, lớn sinh năm: 1988, nhỏ sinh năm: 1992; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Phước Bạch Tr, sinh năm: 1981, nơi sinh: phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phước L, sinh năm: 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1958; vợ: Võ Thị Hồng H, sinh năm: 1979; con: 02 người, lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Thị L2, sinh năm: 1962, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn L (đã chết) và bà Lưu Thị M (đã chết); chồng: Đỗ Văn C, sinh năm: 1960; con: 03 người, lớn nhất sinh năm: 1982, nhỏ nhất sinh năm: 1986; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Thị Ngọc Tr1, sinh năm: 1984, nơi sinh: xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958; chồng: Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1984; con: 01 con, sinh năm: 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 23/4/2019, Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Thu B đến nhà của Ngô Thị Mỹ L ở xã L, huyện C chơi và cùng rủ nhau đánh bài ăn tiền thì tất cả đồng ý. L đi mua 10 bộ bài rồi cùng các đối tượng vào phòng ngủ của mình chơi đánh bài cào 03 lá, làm cái xoay vòng, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, trong đó: L tham gia 450.000 đồng, C tham gia 1.000.000 đồng, Thị N tham gia 2.000.000 đồng, B tham gia 120.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng tham gia đánh bạc là 3.570.000 đồng, lần này L không lấy tiền xâu. L chơi được khoảng 30 phút thua hết 450.000 đồng nên nghỉ để đi đám cưới, lúc này L tiếp tục cho các con bạc sử dụng địa điểm là nhà của mình chơi đánh bài ăn tiền với nhau để lấy tiền xâu, đồng thời L nhờ Đặng Tấn P lấy tiền xâu giùm mình thì P đồng ý.

C, N, Thu B tiếp tục chơi đánh bài cào ăn tiền, khoảng 15 phút sau thì Lâm Thúy H, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Đỗ Thị Phương L1, Đoàn Thị Kim T lần lượt vào tham gia đặt tụ, lúc này sòng bạc chơi mỗi ván từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng, ai làm cái thắng thì xâu cho L từ 20.000 đồng đến 70.000 đồng thông qua P nhận giùm L. Đến khoảng 14 giờ, Trần Phước Bạch Tr vào tham gia đặt tụ, lúc này Thu B không đặt tụ nữa mà chơi ké vào tụ bài của Thị N. Khoảng 15 phút sau thì có Lê Thị L2 và Nguyễn Thị Ngọc Tr1 tham gia chơi, L2 đặt tụ còn Tr1 chỉ ké 02 ván vào tụ bài của T và tụ bài của H mỗi ván 100.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 35 phút cùng ngày, Công an xã L bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: 01 cái mền, 03 bộ bài tây loại 52 lá, số tiền trên chiếu bạc là 7.600.000 đồng và tạm giữ trên người các đối tượng số tiền 36.160.000 đồng. Đến khi bắt quả tang, P đã thu giùm L số tiền xâu là 550.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được trong ngày 23/4/2019, tại nhà của Ngô Thị Mỹ L, từ khi bắt đầu chơi đến khi bị bắt quả tang, có tổng cộng 11 người tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 10.770.000 đồng. Cụ thể: Ngô Thị Mỹ L tham gia đánh bạc 450.000 đồng, kết quả thua 450.000 đồng; Trần Ngọc Thu C tham gia đánh bạc 1.000.000 đồng, kết quả thua 800.000 đồng; Thị N tham gia 2.000.000 đồng, kết quả thua 1.700.000 đồng; Ngô Thị Thu B tham gia 120.000 đồng, kết quả không thắng không thua; Lâm Thúy H tham gia 1.000.000 đồng, kết quả thua 800.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc H sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, chưa xác định được thắng thua; Đỗ Thị Phương L1 sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua 400.000 đồng; Đoàn Thị Kim T tham gia đánh bạc 1.500.000 đồng, kết quả thắng 600.000 đồng; Trần Phước Bạch Tr sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, kết quả thua 1.200.000 đồng; Lê Thị L2 sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, kết quả thắng 100.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc Tr1 sử dụng 200.000 đồng đánh bạc, kết quả thua 200.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 21/4/2019, Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Mỹ L cùng Hân và Mỹ chơi đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi người làm cái xoay vòng, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Trong đó, C tham gia đánh bạc 300.000 đồng, kết quả thua 300.000 đồng; L tham gia 200.000 đồng, kết quả thua 80.000 đồng; N tham gia đánh bạc 200.000 đồng, kết quả thua 100.000 đồng; còn Hân và Mỹ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa xác minh được họ tên và địa chỉ.

Quá trình điều tra, cơ quan Công an còn tạm giữ: 01 xe mô tô Cup 50, biển số 50RA-8055 do Lê Thị L2 giao nộp; 01 xe mô tô Honda Wave biển số 59P1-368.85 do Trần Phước Bạch Tr giao nộp; 01 xe mô tô Honda Vision biển số 62M1-442.89 do Nguyễn Thị Ngọc Hà giao nộp; 01 xe mô tô Honda Airblade biển số 54Z6-2727 do Đoàn Thị Kim T giao nộp; 01 điện thoại di động Nokia 230 cùng sim số 0906651271 do Trần Ngọc Thu C giao nộp; số tiền 120.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 105 cùng sim số 0337121575 do Ngô Thị Mỹ L giao nộp. Qua điều tra, xác định xe mô tô và điện thoại di động nêu trên là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền 25.940.000 đồng thu giữ trên người của các bị cáo gồm: Đỗ Thị Phương L1 1.500.000 đồng; Lê Thị L2

11.000.000 đồng; Đoàn Thị Kim T 3.500.000 đồng; Thị N 8.900.000 đồng; Lâm Thúy H 90.000 đồng; Ngô Thị Thu B 950.000 đồng, qua điều tra xác định các bị cáo không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trao trả cho các bị cáo. Riêng số tiền 7.500.000 đồng và 01 xe mô tô Honda Vision biển số 62M1-442.89 do Nguyễn Thị Ngọc H giao nộp, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã tách vụ án, khi nào bắt được xử lý sau.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSCG, ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc đã truy tố các bị cáo Ngô Thị Mỹ L, Đặng Tấn P về tội “Gá bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Thu B, Đoàn Thị Kim T, Lâm Thúy H, Đỗ Thị Phương L1, Trần Phước Bạch Tr, Lê Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc Tr1 về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ L từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (B) tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mỹ L là hình phạt tiền, đề nghị xử phạt bị cáo Mỹ L số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 35; 50; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Tấn P số tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt:

- Trần Ngọc Thu C số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

- Thị N số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

- Ngô Thị Thu B số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Đoàn Thị Kim T số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Lâm Thúy H số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Đỗ Thị Phương L1 số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Trần Phước Bạch Tr số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Lê Thị L2 số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị Ngọc Tr1 số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 03 bộ bài tây loại 52 lá, 01 cái mền màu tím, viền xanh; đề nghị tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.990.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/4/2019, Ngô Thị Mỹ L sử dụng phòng ngủ tại nhà của mình ở ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An, cho 11 người tham gia chơi đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền để lấy tiền xâu, với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 10.770.000 đồng. Trong đó: Ngô Thị Mỹ L tham gia đánh bạc 450.000 đồng; Trần Ngọc Thu C tham gia 1.000.000 đồng; Thị N tham gia 2.000.000 đồng; Ngô Thị Thu B tham gia 120.000 đồng; Lâm Thúy H tham gia 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc H tham gia 1.500.000 đồng; Đỗ Thị Phương L1 tham gia 1.000.000 đồng; Đoàn Thị Kim T tham gia 1.500.000 đồng; Trần Phước Bạch Tr tham gia 1.500.000 đồng; Lê Thị L2 tham gia 500.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc Tr1 tham gia 200.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Công an xã L bắt quả tang cùng tang vật. Trong quá trình chứa bạc, L nhờ Đặng Tấn P lấy tiền xâu giùm, đến khi bị bắt L thu lợi được 550.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Ngô Thị Mỹ L, Đặng Tấn P đã phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều

322 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hàng vi của các bị cáo Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Thu B, Đoàn Thị Kim T, Lâm Thúy H, Đỗ Thị Phương L1, Trần Phước Bạch Tr, Lê Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc Tr1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi gá bạc và đánh bạc này là một trong các nguyên nhân P sinh nhiều tội phạm khác, để lại hậu quả xấu cho xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc cũng như gá bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm, phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo có cân nhắc theo mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Thu B, Đoàn Thị Kim T, Lâm Thúy H, Đỗ Thị Phương L1, Trần Phước Bạch Tr, Lê Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc Tr1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Tr1 hiện tại đang có thai, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Mỹ L đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét tính chất, mức độ của hành vi do các bị cáo thực hiện thấy rằng:

Bị cáo Ngô Thị Mỹ L là người cho mượn nhà, tạo ra các điều kiện cần thiết để các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của mình, nhằm mục đích lấy tiền xâu, thu lợi bất chính. Ngoài ra, ngày 21/4/2019 và ngày 23/4/2019 bị cáo cũng trực tiếp đánh bạc tại nhà của mình, thu lợi bất chính.

Bị cáo Đặng Tấn P, mặc dù không hưởng lợi trong vụ án này nhưng khi được bị cáo Mỹ L nhờ lấy tiền xâu giùm bị cáo L thì bị cáo không từ chối, cũng như khuyên can bị cáo Mỹ L, mà bị cáo P lại đồng ý và giúp cho bị cáo L. Cho nên, hành vi của bị cáo P là đồng phạm với bị cáo L về tội “Gá bạc”, nhưng với vai trò là người giúp sức.

Các bị cáo còn lại trực tiếp đánh bạc thắng thua với nhau, với số tiền tham gia cũng như thời gian tham gia là có khác nhau. Cho nên, mức hình phạt của các bị cáo cũng có sự khác nhau. Các bị cáo Trần Ngọc Thu C, Thị N, Đỗ Thị Phương L1, Đoàn Thị Kim T, Trần Phước Bạch Tr, Lâm Thúy H tham gia đánh bạc với số tiền cao hơn các bị cáo còn lại. Trong số các bị cáo này thì bị cáo Thị N tham gia

với số tiền là cao nhất và tham gia với thời gian từ đầu cho đến lúc bị bắt. Các bị cáo Đoàn Thị Kim T, Trần Phước Bạch Tr tham gia với số tiền là bằng nhau và cao hơn các bị cáo Phương L1, H, C. Các bị cáo L2, Tr1, Thu B tham gia với với tiền thấp hơn các bị cáo trên, nên hình phạt sẽ thấp hơn.

[6] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải bắt bị cáo Ngô Thị Mỹ L chấp hành hình phạt tù mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Ngoài ra, đối với bị cáo Mỹ L xét thấy cần phải buộc bị cáo chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để nộp vào ngân sách nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng diễn biến của vụ án, loại hình phạt và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Thị Ngọc Hà có hành vi đánh bạc nhưng quá trình điều tra đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định truy nã và tách vụ án, khi nào bắt được xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với hành vi đánh bạc của Ngô Thị Mỹ L trong ngày 23/4/2019 và hành vi đánh bạc của Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Mỹ L trong ngày 21/4/2019, do chưa đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có công văn chuyển Công an huyện C xử lý hành chính theo thẩm quyền là phù hợp. Riêng đối với đối tượng tên Hân và Mỹ, quá trình điều tra chưa xác minh được họ tên và địa chỉ nên cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[9] Về vật chứng:

Đối với 03 bộ bài tây loại 52 lá, 01 cái mền màu tím, viên xanh là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.990.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện C, đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc và thu lợi bất chính, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Thị Mỹ L, Đặng Tấn P phạm tội “Gá bạc” các bị cáo Trần Ngọc Thu C, Thị N, Ngô Thị Thu B, Đoàn Thị Kim T, Lâm Thúy H, Đỗ Thị Phương L1, Trần Phước Bạch Tr, Lê Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc Tr1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Ngô Thị Mỹ L nộp phạt bổ sung số tiền là 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 35; 50; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Tấn P số tiền 50.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Thu C số tiền 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Thị N số tiền 35.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thu B số tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Kim T số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lâm Thúy H số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Phương L1 số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Phước Bạch Tr số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L2 số tiền 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Tr1 số tiền 20.000.000 đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy 03 bộ bài tây loại 52 lá. (theo biên bản vụ việc ngày 23/4/2019 của Công an xã L, huyện C).

- Tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.990.000 đồng (theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 28/11/2019).

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Án sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện huyện Cần Giuộc;
- CA huyện huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện huyện Cần Giuộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm